

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THỊ XÃ DUYÊN HẢI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 09/2025/DS-ST

Ngày 10-02-2025

V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự về  
vay tài sản*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Tấn Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Văn Quen
2. Ông Huỳnh Văn Rô

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Chăm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2025 tại **điểm cầu trung tâm là phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần là trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh** tiến hành xét xử sơ thẩm công khai **theo hình thức trực tuyến** vụ án thụ lý số 340/2024/TLST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp K, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Minh T, sinh năm 1985 (Có mặt tại điểm cầu trung tâm)

Địa chỉ: Khóm A, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn:

1. Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1965 (Vắng mặt tại điểm cầu thành phần)
  2. Bà Võ Thị C1, sinh năm 1967 (Vắng mặt tại điểm cầu thành phần)
- Cùng địa chỉ: Ấp K, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2024 của nguyên đơn bà Trần Thị C và lời trình bày của ông Đặng Minh T là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã trình bày trong quá trình tham gia tố tụng như sau:*

Vào ngày 15/7/2023, bà Trần Thị C có cho ông Phạm Văn T1 và bà Võ Thị C1 vay số tiền là 250.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thoả thuận. Thời hạn cho vay là 02 tháng. Do không có tiền trả nên vợ chồng ông T1 đóng lãi cho bà C đến tháng 3/2024 thì ngưng và không trả tiền vốn.

Nay nguyên đơn bà Trần Thị C và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Đặng Minh T yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Võ Thị C1 và ông Phạm Văn T1 cùng trả cho bà Trần Thị C số tiền vay còn nợ là 250.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 15/4/2024 cho đến khi Toà án giải quyết xong vụ án với lãi suất là 1,66%/tháng.

Bị đơn ông Phạm Văn T1 và bà Võ Thị C1 đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng ông T1, bà C1 không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông T1, bà C1 cũng vắng mặt tại phiên họp hoà giải. Vì vậy, Toà án lập biên bản không lấy được lời khai của ông T1, bà C1 lưu vào hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà, ông Đặng Minh T thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ thể là chỉ yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Võ Thị C1 và ông Phạm Văn T1 cùng trả cho bà Trần Thị C số tiền vay còn nợ là 250.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tiền lãi của số tiền 250.000.000 đồng tính từ ngày 15/4/2024 cho đến khi Toà án giải quyết xong vụ án với lãi suất là 1,66%/tháng thì ông T rút lại không yêu cầu Toà án giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Do Toà án không tiến hành hoạt động thu thập chứng cứ nên vụ án không có Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên toà theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Phạm Văn T1 và bà Võ Thị C1 là bị đơn đã được Toà án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 và bà C1.

[3] Về chứng cứ: Đương sự trong vụ án không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không đề nghị Toà án xác minh, lấy lời khai của người làm chứng cũng như không đề nghị triệu tập thêm ai đến phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên toà để xét xử vụ án.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị C trong đơn khởi kiện và lời trình bày của ông Đặng Minh T là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đều cho rằng ông Phạm Văn T1 và bà Võ Thị C1 vay số tiền là 250.000.000 đồng. Tại bản chính giấy mượn tiền do bà Trần Thị C nộp cho Toà án có nội dung: ông Phạm Văn T1, bà Võ Thị C1 viết giấy mượn tiền lý do là ông T1, bà C1 có mượn của bà Trần Thị C số tiền 250.000.000 đồng. Trong giấy biên nhận này có chữ ký và họ tên của ông Phạm Văn T1, bà Võ Thị C1. Đối với ông T1, bà C1, ngoài bà C khởi kiện đòi lại số tiền cho vay thì còn có nhiều đương sự khác cũng khởi kiện và đang được Toà án giải quyết. Đối chiếu chữ ký của ông T1, bà C1 trong giấy biên nhận do bà C nộp cho Toà án với chữ ký của ông T1, bà C1 trong giấy biên nhận nợ, hồ sơ vay vốn ngân hàng do các đương sự nộp cho Toà án là phù hợp. Bị đơn ông T1, bà C1 không giao nộp tài liệu chứng cứ cũng như không có văn bản hay lời trình bày nào phản đối việc còn nợ bà C một phần hay toàn bộ số tiền đã vay như bà C khởi kiện. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ông T1, bà C1 còn nợ bà C số tiền là 250.000.000 đồng. Vì vậy, bà Trần Thị C khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Phạm Văn T1 và bà Võ Thị C1 trả số tiền vay còn nợ là 250.000.000 đồng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Đặng Minh T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể là ông T rút lại yêu cầu tiền lãi của số tiền 250.000.000 đồng tính từ ngày 15/4/2024 cho đến khi Toà án giải quyết xong vụ án với lãi suất là 1,66%/tháng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là ông Phạm Văn T1 và bà Võ Thị C1 phải chịu toàn bộ án phí trên số tiền 250.000.000 đồng là:  $250.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 12.500.000 \text{ đồng}$ . Nguyên đơn bà Trần Thị C được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C.

- Buộc ông Phạm Văn T1 và bà Võ Thị C1 liên đới trả cho bà Trần Thị C số tiền vay còn nợ là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu nguyên đơn đã rút là yêu cầu tiền lãi của số tiền 250.000.000 đồng tính từ ngày 15/4/2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với lãi suất là 1,66%/tháng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phạm Văn T1 và bà Võ Thị C1 phải cùng chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 12.500.000 (Mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bà Trần Thị C không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Trần Thị C số tiền tạm ứng án phí tổng cộng là 6.250.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0012998 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải.

4. Nguyên đơn bà Trần Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn gồm ông Phạm Văn T1 và bà Võ Thị C1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (09 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Tấn Thanh**

